

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HS-ST

Ngày 21 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hiền.

Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

Vũ Minh H, sinh ngày 24 tháng 11 năm 1997 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn PT2, xã XH, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Vũ Văn L và bà Phạm Thị Đ.

Chưa có vợ, chưa có con.

* Tiền án: Bản án số 55/2019/HS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt Vũ Minh H 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 5 năm 2019 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự (chấp hành xong hình phạt tù ngày 11 tháng 02 năm 2021).

* Tiền sự: Không.

* Nhân thân:

1. Bản án số 41/2014/HSST ngày 29 tháng 7 năm 2014, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt Vũ Minh H 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

2. Bản án số 145/2016/HSPT ngày 18 tháng 3 năm 2016, Tòa án nhân dân T1 phố Hà Nội xử phạt Vũ Minh H 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2015 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

3. Bản án số 27/2016/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt Vũ Minh H 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với 15 tháng tù tại Bản án số 145/2016/HSPT ngày 18 tháng 3 năm 2016 Tòa án nhân dân T1 phố Hà Nội. Buộc Vũ Minh H chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.

(Cả ba bản án trên, khi thực hiện hành vi phạm tội, Vũ Minh H chưa đủ 18 tuổi nên được coi là không có án tích)

4. Ngày 07 tháng 4 năm 2020, Cơ quan CSĐT Công an quận Nam Từ Liêm, T1 phố Hà Nội ra Quyết định khởi tố bị can đối với Vũ Minh H về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự. Ngày 10 tháng 8 năm 2020, Cơ quan CSĐT Công an quận Nam Từ Liêm ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, lý do đã yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả, đã hết thời hạn điều tra vụ án, theo điểm c khoản 1 Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Vũ Minh H bị bắt tạm giam từ ngày 04 tháng 11 năm 2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn PC, xã HH, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Trần Văn Th, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn TT, xã ML, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn TT, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn MB, xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

3. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1972; địa chỉ: Phòng XXX, Tòa NXX, phường DV, quận C, T1 phố Hà Nội. (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Chị Đặng Thị Bích P, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn TT, xã ML, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

2. Anh H Đình T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn B, xã ML, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

4. Chị Vũ Thị Tr, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn PT2, xã XH, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

5. Anh Lê Đình T1, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn A, xã HH, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Minh H có quan hệ tình cảm với chị Đặng Thị Bích P. Qua P, H quen biết với chị Nguyễn Thị C. Ngày 03 tháng 9 năm 2021, P phát hiện có thai, qua thăm khám, bác sỹ kết luận không có tim thai. P và H có ý định đi khám lại nhưng cả hai đều không có tiền. Tối ngày 05 tháng 9 năm 2021, P cùng chị C đến nhà Nguyễn Đình S ăn cơm. Tại đây, P hỏi mượn tiền S để đi khám thai, S đồng ý nhưng chưa đưa tiền ngay, S nói khi nào P đi khám sẽ đưa. Về nhà, P nhắn tin cho H biết việc đã mượn được tiền của S, H hẹn P sáng hôm sau đi khám thai. Sau đó, H nhắn tin qua Facebook “Bich Phuong” của P cho tài khoản Facebook “Thủy Chung” của chị C nhờ chị C sáng mai đến nhà P chờ P đi làm.

Khoảng 06 giờ ngày 06 tháng 9 năm 2021, H nhắn tin hẹn P đến nhà H để đi khám thai. Khoảng 07 giờ cùng ngày, chị C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu trắng – đỏ, biển số đăng ký 17B2 – 013.XX đến đón P, trên đường đi, chị C gọi điện qua Facebook cho P thì H nghe máy, H tiếp tục

nhờ chị C đón P và khi nào đến công ty thì cho H mượn xe chở P đi khám thai, chị C đồng ý. Khi chị C đi đến đoạn đường 454 qua trụ sở UBND xã ML, huyện V thì gặp P đi xe đạp điện ngược chiều, P rủ chị C cùng đi khám thai, chị C đồng ý. Sau đó cả hai cùng điều khiển xe đến nhà H ở thôn PT2, xã XH, huyện V. Đến nơi, H bảo chị C chiều cho H mượn xe chở P đi khám thai và bảo cả hai ở lại nhà H chờ H đi vay tiền. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, H bảo P đi khám thai, P lấy xe đạp điện chở H. Ra đến ngõ, H bảo P quay lại mượn xe của chị C để đi cho nhanh nên cả hai cùng quay lại hỏi mượn xe mô tô Honda Air Blade, biển số đăng ký 17B2 – 013.XX của chị C, chị C đồng ý và đưa chìa khóa xe cho H (trong cốp có đăng ký xe). H điều khiển xe mô tô của chị C chở P ra khỏi nhà. Khi đi đến đoạn đường qua trụ sở UBND xã Song Lãng, huyện V do P không có mũ bảo hiểm nên H chở P vào nhà bạn là H Đình T để mượn mũ. Đến ngõ nhà T, H dừng xe ở cổng rồi đi bộ vào trong nhà T mượn mũ, khi quay ra, H thấy P đang gọi điện thoại cho S, lúc này H mới biết là P chưa vay được tiền của S nên H chở P quay lại nhà H rồi bảo P vào trong nhà chờ H đi vay tiền. Sau đó, H điều khiển xe mô tô của chị C đến nhà bạn tên S ở khu vực ngã tư “Quán” thuộc xã Dũng Nghĩa, huyện V để hỏi vay tiền nhưng không gặp. H tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà T chơi, ăn cơm và hỏi vay tiền T nhưng T không có tiền và cũng không vay giúp được H. Do không vay được tiền, H nảy sinh ý định mang xe của chị C đi cầm cố lấy tiền đưa P đi khám thai. H nhờ T dẫn đi cầm cố xe nhưng T không đi. Do biết quán sửa xe nhà anh Trần Văn Th ở thôn TT, xã ML, huyện V có cầm cố xe nên khi Lê Đình T1 đến nhà T chơi, H nhờ T1 đi cùng đến nhà Th với mục đích sau khi cầm cố được xe thì T1 chở H về. Khi đến nhà Th, H nói với Th chiếc xe mô tô Honda Air Blade, biển số đăng ký 17B2 – 013.XX là của chị gái, muốn cầm cố vài ngày, Th không đồng ý cho H cầm cố mà chỉ đồng ý mua chiếc xe mô tô trên. Sau khi thỏa thuận, H đồng ý bán chiếc xe mô tô trên cho Th với giá 8.000.000 đồng và nói vài ngày sau sẽ quay lại chuộc xe. Trước khi giao xe, H mở cốp xe kiểm tra thấy bên trong có 01 đăng ký xe mô tô biển số 17B2 – 013.XX mang tên Nguyễn Văn Th, địa chỉ tại thôn MB, xã VH, huyện V nên H giao luôn đăng ký xe cho Th. Trước khi giao tiền, Th đưa cho H 01 giấy bán xe, H ký ghi rõ họ tên vào mục “BÊN BÁN”, Th ký ghi rõ họ tên vào mục “BÊN MUA”, T1 ký vào mục “NGƯỜI LÀM

CHỨNG”, sau đó Th giao cho H 8.000.000 đồng. Sau khi bán xe mô tô của chị C, H được T1 chở quay lại nhà T. H không sử dụng tiền bán xe có được để đưa P đi khám thai mà chi tiêu cá nhân hết. Chiều tối cùng ngày, không thấy H trả xe, chị C và P nhiều lần liên lạc yêu cầu H mang xe về trả nhưng H đều khất lần. Sau đó, H hứa lấy xe về trả cho chị C nhưng cũng không thực hiện. Ngày 09 tháng 9 năm 2021, H tiếp tục đến quán sửa xe của Th, thỏa thuận bán đứt chiếc xe mô tô trên cho Th với giá 11.000.000 đồng. Th đồng ý và đưa thêm cho H 3.000.000 đồng sau đó viết thêm nội dung “Đã trả hết tổng số tiền 11.000.000 đồng” vào giấy bán xe lần trước. Số tiền 3.000.000 đồng, H chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi mua chiếc xe mô tô trên của H, ngày 11 tháng 9 năm 2021 Th bán xe mô tô cho anh Phạm Văn K với giá 11.300.000 đồng, ngày 15 tháng 9 năm 2021 anh K lại bán xe cho một người không quen biết, không rõ tên, địa chỉ tại khu vực chợ xe máy cũ ở phường DV, quận C, T1 phố Hà Nội với giá 12.500.000 đồng.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, chị Nguyễn Thị C nộp đơn tố giác Vũ Minh H tại Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Thái Bình. Tại cơ quan Công an, H đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 37/KLHD ngày 29 tháng 9 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự UBND huyện V, tỉnh Thái Bình kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu trắng - đỏ, sản xuất, lắp ráp trong nước, dung tích 108m³, được mua đăng ký lần đầu năm 2012, biển kiểm soát 17B2 – 013.XX, tại thời điểm ngày 06 tháng 9 năm 2021 có giá trị là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Về nguồn gốc chiếc xe mô tô Honda Air Blade, biển kiểm soát 17B2 – 013.XX: Chị Nguyễn Thị C khai mua của anh Nguyễn Văn TT vào tháng 4 năm 2021 với giá 14.000.000 đồng, hiện chị vẫn chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Anh Nguyễn Văn TT khai chiếc xe trên anh cho chị C mượn, việc chị C cho H mượn xe sau H đem bán thì H phải có trách nhiệm với chị C, anh không liên quan, còn việc chị C mượn xe của anh thì chị C phải có trách nhiệm với anh, anh và chị C tự giải quyết.

Về bồi thường thiệt hại: Chị Nguyễn Thị C yêu cầu Vũ Minh H phải bồi thường cho chị số tiền 14.000.000 đồng là tiền chị đã bỏ ra mua xe.

Cáo trạng số 16/CT-VKSVT ngày 25 tháng 01 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Vũ Minh H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Vũ Minh H khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Minh H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù, thời hạn tù tính ngày bắt tạm giam (ngày 04 tháng 11 năm 2021). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo H phải bồi thường cho chị C số tiền 11.000.000 đồng. Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Vũ Minh H đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Vũ Minh H nói lời sau cùng: Không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, Vũ Minh H khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo

phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và lời khai của người làm chứng; phù hợp với giấy bán xe, bản kết luận giám định chữ ký, chữ viết của H trong giấy bán xe, biên bản về việc kiểm tra nhật ký cuộc gọi, bản in tin nhắn của chị C, của P, bản kết luận định giá tài sản; ngoài ra, còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại nhà Vũ Minh H ở thôn PT2, xã XH, huyện V, tỉnh Thái Bình, H đã có hành vi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu trắng - đỏ, biển số đăng ký 17B2 – 013.XX, trị giá 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) của chị Nguyễn Thị C để đi vay tiền. Sau đó, do không vay được tiền nên H đã bán chiếc xe mô tô trên cho anh Trần Văn Th lấy số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng). Số tiền trên, H chi tiêu cá nhân hết. Hành vi trên của Vũ Minh H đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Điều 175 Bộ luật Hình sự, Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là P tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

....

[4] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Minh H, thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến

quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lối sống buông thả, bản tính ham chơi, lười lao động lại muốn có tiền để chi tiêu cá nhân nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm.

[5] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Vũ Minh H, thấy: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với Vũ Minh H, thấy: Trong các năm 2014, 2015, 2016, H đều đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên các bản án đã xét xử đối với H được coi là không có án tích nhưng cần đánh giá bị cáo có nhân thân không tốt. Năm 2019, bị cáo tiếp tục bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương chỉ trong thời gian ngắn bị cáo tiếp tục phạm tội mới điều đó chứng tỏ bị cáo không thực sự ăn năn hối cải, không tiếp thu sự giáo dục của pháp luật, không chịu tu dưỡng cho bản thân. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Khoản 5 Điều 175 của Bộ Luật Hình sự còn quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc tài sản*”. Xét thấy, bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Xét việc chị Nguyễn Thị C yêu cầu Vũ Minh H phải bồi thường cho chị số tiền 14.000.000 đồng, thấy: Tại phiên tòa, bị cáo H không chấp nhận yêu cầu bồi thường của chị C. Theo kết luận định giá tài sản số 37/KLĐG ngày 29 tháng 9 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng

hình sự xác định tại thời điểm ngày 06 tháng 9 năm 2021 chiếc xe mô tô H chiếm đoạt của chị C trị giá 11.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị C, buộc bị cáo H phải bồi thường cho chị C số tiền 11.000.000 đồng theo kết luận định giá tài sản trên là phù hợp pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác: Trần Văn Th là người đã mua chiếc xe mô tô Air Blade, biển số đăng ký 17B2 – 013.XX của Vũ Minh H, quá trình điều tra xác định khi giao dịch mua bán chiếc xe trên, H không nói nên Th không biết xe là do H phạm tội mà có. Lê Đình T1 là người H nhờ đi cùng đến nhà Th mục đích là để chở H về và là người làm chứng trong việc mua bán xe, qua điều tra xác định T1 không biết nguồn gốc chiếc xe trên do đâu mà có. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện V không có biện pháp xử lý đối với Th, đối với T1 là đúng pháp luật.

[10] Bị cáo Vũ Minh H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo Vũ Minh H, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Minh H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Minh H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 04 tháng 11 năm 2021).

3. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

3.1. Buộc bị cáo Vũ Minh H phải bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị C số tiền là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

3.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng

tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Minh H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Vũ Minh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 3 năm 2022). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo và những người TGTĐ khác;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

